TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 14, khu phố An Hòa, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lư Minh H, sinh năm 1971; địa chỉ: địa chỉ: Tổ 14, khu phố An Hòa, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2023, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà Tâm và ông Lư Minh H chung sống từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 0I, quyển số 45 cấp ngày 02/11/1998, hôn nhân tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, ông H thường xuyên uống rượu say xỉn và đánh đập

bà Tâm. Ngoài ra ông H có hành vi dùng dao đe dọa đến tính mạng của bà T. Thiết nghĩ mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn nên nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Qúa trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Lư Anh V, sinh năm 1992 và Lư Thị Thu Th, sinh năm 1995. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Căn cước công dân của bà T và ông H; Giấy chứng nhận kết hôn và bản tự khai của bà T.

Đối với bị đơn ông Lư Minh H. Ông Lư Minh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, ông Hải không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông Hải không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Tâm và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lư Minh H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ 14, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lư Minh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt, việc vắng mặt của ông H không vì lý do bất khả kháng. Nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 0I, quyển số 45 cấp ngày 02/11/1998. Hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ông H thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập bà T. Ngoài ra, ông H còn có hành vi dùng dao đe dọa đến tính mạng của bà T. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông H để trả tự do cho nhau.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/3/2023 tại địa phương thể hiện: Quá trình chung sống bà T và ông H có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm.

Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Toà án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập ông H đến Toà án để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không chấp hành theo giấy triệu tập, không có mặt tại Toà án. Qua đó cho thấy ông H không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Điều này cũng cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T, ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lư Minh H là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Qúa trình sống chung bà T và ông H có các con chung tên Lư Anh V, sinh năm 1992 và Lư Thị Thu Th, sinh năm 1995. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành bà Tâm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà T yêu cầu ly hôn với ông H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Tâm phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Lư Minh H về việc: "Tranh chấp ly hôn".

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lư Minh H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 0I, quyển số 45 cấp ngày 02/11/1998 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương) cho bà Lê Thị T và ông Lư Minh H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Con chung tên Lư Anh V, sinh năm 1992 và Lư Thị Thu Th, sinh năm 1995 đã trưởng đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2021/0010920 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hoa